

PHÁT HIỆN TẤM BIA ĐÁ GHI TÊN NƯỚC “VIỆT NAM” Ở BẮC NINH

NGUYỄN VĂN AN

Tấm bia hiện dựng bên cạnh cổng vào chùa Bảo Sinh (tên chữ là Bảo Sinh tự) 寶生寺 xưa thuộc thôn Đồng Cải, xã Can Vũ, tổng Vũ Dương, huyện Quế Dương, phủ Từ Sơn, xứ Kinh Bắc (nay là khu phố Thịnh Cầu, phường Phố Mới, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh), được phát hiện vào tháng 12-2024.

Tấm bia hình chữ nhật, tạo tác từ đá xanh nguyên khối kích thước cao 75cm, rộng 48cm, dày 11cm. Trên trán bia mặt trước trang trí chạm nổi một đôi rồng chầu mặt trời, rồng uốn khúc với đầy đủ các bộ phận như râu, tóc, sừng, chân 4 móng, thân có vảy gấp khúc hình “sin”, đuôi hướng thẳng lên phía trên gần chạm vào nhau. Mặt trời ở giữa hình tròn mỗi bên có 5 đao lửa tỏa đều về hai phía, xung quanh xen lẫn vân mây. Trán bia mặt sau trang trí chạm nổi một đôi phượng chầu mặt nguyệt, phượng đang trong tư thế bay, chân phượng có 4 ngón, đuôi gồm 4 dải mềm mại uyển chuyển, xung quanh xen lẫn vân mây. Diềm bia hai

bên cạnh và phía dưới giáp để trang trí hoa cúc, hoa sen, dây lá cách điệu... Lòng bia khắc chữ Hán cả hai mặt theo thể chân phương còn khá rõ nét, nội dung chính ghi chép về việc lập hậu thân hai vợ chồng ông Mai Đình Trạch, tự Phúc Trường và bà Mai Thị Tha, hiệu Từ Tính. Điều đặc biệt giá trị nhất ở tấm bia này là tại bài minh khắc trên văn bia có ghi tên nước “Việt Nam” - danh từ xuất hiện khá phổ biến dưới thời Lê Trung hưng. Nội dung cụ thể của hai mặt bia như sau:

Mặt trước có tiêu đề “Hậu thân bi ký” 候神碑記 (Văn bia ghi chép việc hậu thân), chính giữa lòng bia tạc hình 1 chiếc bài vị khắc dòng chữ Hán ghi họ tên hai vợ chồng ông Mai Đình Trạch, tự Phúc Trường và bà Mai Thị Tha, hiệu Từ Tính được lập làm hậu thân khi vẫn đang còn sống. Hai bên rìa bài vị khắc khoảng hơn 100 chữ Hán nội dung cho biết thông tin về hai vị cùng những quy định tế lễ tại đình sau khi được lập làm hậu thân: “...Tại thôn Nghiêm, xã Vũ

Tam bảo chùa Bảo Sinh



Dương, huyện Quế Dương, phủ Từ Sơn có vị Nhiều nam Trùm trưởng phủ sĩ Mai Đình Trạch, tự Phúc Trường bỏ ra 8 sào ruộng, cùng 45 quan tiền sử giao cho 4 giáp thay nhau phụng thờ. Hàng năm kính mong vị hậu thần được trường thọ, 4 giáp kính biểu một mâm cỗ. Đến khi trăm tuổi (khí mất) vào ngày giỗ về sau chuẩn bị lễ vật gồm: 4 đĩa xôi, cùng lợn, rượu đem cúng tế trước bia đá vậy, xong việc ăn uống tại đình như lễ đã quy định vậy...”

Mặt sau có tiêu đề “*Tứ giáp cộng ký*” 四甲共記 (Bốn giáp cùng ký) tất cả gồm 14 dòng khoảng gần 400 chữ, nội dung đoạn đầu ca ngợi tấm lòng tốt cùng những quy định của địa phương đối với hai vị được lập làm hậu thần tại đình làng: “...Nay nghĩ! Có vị Mai Đình Trạch, tự Phúc Trường vốn là người Cần Vũ, huyện Quế Dương vậy. Chồng vợ cùng song toàn, đầy đủ thịnh vượng nhưng không bao giờ đem so sánh, tấm lòng luôn đúng không bao giờ làm điều bất thường ở làng xóm. Bèn đem gỗ, ruộng đất cùng tiền giao cho bản đình, 4 giáp trên dưới lớn nhỏ vào các dịp nhập tịch, kỳ phúc đều lấy 1 mâm cỗ làm lễ vật cúng tế. Đến một nghìn năm về sau vẫn được hưởng thụ tại đình trung. Cùng với các ngày giỗ, chạp các tiết đều có đồ cúng tế đến vạn đời, một lòng như thế xưa nay tất phải có vậy. Vào đình vâng nhận mệnh ban cho, được cổ vũ thêm lên khiến thần sắc vui mừng rạng rỡ. Hàng ngày tự nguyện được phụng hầu, hương hỏa đến trăm đời không đổi. Mai Đình Trạch mạnh dạn mở lời giữ nghiêm lễ như vậy. Trời đất tại lòng người bền cùng nhau lập quy ước, đến vạn đời sau không phải là sự thịnh vượng ư! Nhưng cũng không vì thế mà được thiếu hình phạt với lòng bao dung, muôn vạn cũng như một đều được toại nguyện cần khắc bài văn này vào bia đá, lưu lại mãi cho đời sau...”

Tiếp đến là bài minh gồm 16 câu, tên nước “*Việt Nam*” xuất hiện ngay ở câu đầu tiên của bài minh: 越南勝地京北壹天縣称桂楊 “*Việt Nam đất đẹp, Kinh Bắc một trời, huyện tên Quế Dương...*” Phần cuối là dòng lạc khoản 永盛十二年孟春穀日 “*Vĩnh Thịnh thập nhị niên mậu xuân cốc nhật*” (Bia được khắc vào ngày tốt, tháng Giêng, năm Vĩnh Thịnh thứ 12-1717).

Cho đến nay, các nhà nghiên cứu đã phát hiện tổng số gần 20 tấm bia đá ghi khắc tên nước “*Việt Nam*” tập trung trên địa bàn các tỉnh, thành phố như: Hà Nội, Hà Nam, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương, Lạng Sơn,... Tính đến thời điểm hiện nay, riêng tỉnh Bắc Ninh có 7 tấm bia đá (gồm cả bia gốc và thác bản) ghi khắc tên nước “*Việt Nam*” phân bố trên địa bàn huyện Yên Phong, Gia Bình và thị xã Quế Võ, trong đó 6 tấm có niên đại vào thế kỷ XVII gồm:

- Bia Thiên Phúc tự bi 天福寺碑 chùa Thiên Phúc, xã Tam Đa, huyện Yên Phong dựng năm Phúc Thái thứ 6 (1648) đời vua Lê Chân Tông.

- Bia 下長官碑記 Hạ trùm trưởng quan bi ký khắc năm Khánh Đức thứ 1 (1649) đời vua Lê Thần Tông ở nhà thờ họ Nguyễn xã Long Châu, huyện Yên Phong.

- Bia 雲羅寺 Vân La tự chùa Vân La, xã Trung Nghĩa, huyện Yên Phong dựng năm Thịnh Đức thứ 3 (1655) đời



Văn bia *Hậu thần bi ký* ghi khắc tên nước Việt Nam dựng năm Vĩnh Thịnh thứ 12 (1716) tại chùa Bảo Sinh

vua Lê Thần Tông.

- Thác bản bia 福聖寺碑 *Phúc Thánh tự bi* ở chùa Phúc Khánh, xã Mộ Đạo, thị xã Quế Võ dựng năm Cảnh Trị thứ 2 (1664) đời vua Lê Huyền Tông.

- Bia 後神碑記 *Hậu thần bi ký* đặt tại đình Từ Phong, phường Cách Bi, thị xã Quế Võ dựng năm Chính Hòa thứ 11 (1690) đời vua Lê Hy Tông.

- Thác bản bia 吟田市碑 *Ngâm Diên thị bi* (văn bia chợ Ngâm Diên) nay thuộc địa phận xã Lăng Ngâm, huyện Gia Bình dựng năm Chính Hòa 12 (1691) đời vua Lê Hy Tông.

- Bia 候神碑記 *Hậu thần bi ký* vừa mới phát hiện ở chùa Bảo Sinh là tấm bia đầu tiên có niên đại vào thế kỷ XVIII ghi khắc tên nước “*Việt Nam*” tại Bắc Ninh.

Tóm lại, việc phát hiện tấm bia đá ghi tên nước “*Việt Nam*” ở chùa Bảo Sinh là đóng góp quan trọng bổ sung thêm nguồn tư liệu quý giá minh chứng cho danh từ “*Việt Nam*” được sử dụng khá phổ biến dưới thời Lê Trung hưng thế kỷ XVII, XVIII. Tấm bia còn là một tác phẩm điêu khắc nghệ thuật độc đáo chứa đựng giá trị về mặt lịch sử, văn hóa, khoa học và mỹ thuật. Nội dung khắc trên bia cho thấy người xưa rất quan tâm đến những việc làm thiện, có ý thức giáo dục điều thiện tới mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội. Việc suy tôn các vị có công với dân làng làm hậu thần và khắc bia đá ghi chép công lao dựng tại đình làng, điều đó chứng tỏ tính minh bạch, dân chủ trong cộng đồng làng xã ngày xưa rất được coi trọng. ■